

Số: 21/2016/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ  
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;*

*Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 và năm 2017;*

*Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 815/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa với những nội dung như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh là 27.079.715 triệu đồng, bao gồm:

**I. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh:**

**12.620.369 triệu đồng**

1. Số vốn dự phòng 10%:	1.262.037 triệu đồng
2. Số vốn phân bổ chi tiết 90%:	11 358.332 triệu đồng
2.1. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí:	7.077.032 triệu đồng
2.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:	4.230.000 triệu đồng
2.3. Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	51.300 triệu đồng

(Chi tiết danh mục chương trình, dự án có phụ lục kèm theo)

## II. Vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ:

**14.459.346 triệu đồng**

Thực hiện theo danh mục và mức vốn tại các Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 2.** Để thuận lợi cho việc điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm (nếu có) và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3:** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật để giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các ngành, các cấp và các chủ đầu tư thực hiện. Đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, sau khi có quyết định giao vốn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để sớm giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

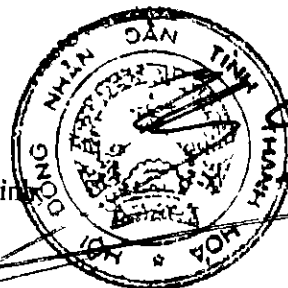
Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2016./.

### Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**



**Trịnh Văn Chiến**

**Phụ lục: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**  
(Kèm theo Nghị Quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt/ quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã hỗ trợ đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
	<b>TỔNG SỐ</b>											
A	SỐ VỐN DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỐ (10%)						13.051.416	12.620.369	3.219.047	2.788.000		
B	SỐ VỐN PHÂN BỐ CHI TIẾT (90%)						1.262.037	1.262.037				
I	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT						11.789.379	11.358.332	3.219.047	2.788.000		
II	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỞ KIẾN THIẾT						4.230.000	4.230.000	1.500.000	1.500.000		
							51.300	51.300				
III	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ											
III.1	Bổ trợ vốn để thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã trên địa bàn tỉnh						7.508.079	7.077.032	1.719.047	1.288.000		
							358.000	350.000	650	658		
III.2	Bổ trợ vốn cho để thanh toán cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn I đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)		4.355.374	4.355.374			500.000	500.000				Thực hiện Nghị quyết số 130/2015/NQ-TU ngày 30/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kết hợp với vốn từ các dự án, sắp xếp nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác để thanh toán cho dự án theo Nghị quyết số 130/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh.
III.3	Bổ trợ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA đầu tư trên địa bàn tỉnh						300.000	300.000	80.000	80.000		Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ từ NTW để bổ trợ cho các dự án theo tiến độ thực hiện.
III.4	Bổ trợ vốn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017						20.000	20.000				Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2017.
III.5	Bổ trợ vốn thực hiện dự án											
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang bổ trợ vốn trong giai đoạn 2016 - 2020		18.822.548	11.438.048	4.244.485	2.575.775	6.338.079	5.907.032	1.638.397	1.207.350		
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		8.586.666	6.078.607	4.244.485	2.575.775	2.473.432	2.145.151	1.141.133	812.852		
1	Nhà làm việc các Ban Tỉnh ủy Thanh Hóa.	2152/QĐ-UBND ngày 21/6/2016	2.278.945	1.391.924	1.619.945	792.948	609.295	574.091	375.719	340.515		
2	Sửa chữa, cải tạo Nhà khách Văn phòng Tỉnh ủy.	3746/QĐ-UBND ngày 28/9/2016	72.684	72.684	48.000	48.000	24.684	24.684	18.000	18.000	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
3	Đầu tư mua sắm sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Trụ sở cơ quan Tỉnh ủy	3745/QĐ-UBND ngày 28/9/2016	4.257	757	3.500		757	757			Văn phòng Tỉnh ủy	
4	Trung tâm y tế thành phố Thanh Hóa.	4120/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	39.572	37.746	17.500	17.000	20.746	20.746	12.000	12.000	Văn phòng Tỉnh ủy	
5	Xây dựng công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật - Dự án cải tạo, nâng cấp và mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2.	3641/QĐ-UBND ngày 20/9/2016	7.862	7.862	1.499	1.499	6.363	6.363	1.000	1.000	Trung tâm y tế TP Thanh Hóa	
6	Đời chiến thắng trận đầu của Hải quân nhân dân Việt Nam.	4174/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	4.250	3.750	1.500	1.000	2.750	2.750	2.025	2.025	Trung tâm bảo trợ xã hội số 2	
7	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường phụ cận số 2 Thành Nhà Hồ	278/QĐ-HĐND ngày 01/1/2016	3.915	3.915	3.300	3.300	615	615			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
8	Thư viện tỉnh Thanh Hóa	4224/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	192.175	192.175	128.665	128.665	63.510	63.510	16.000	16.000	Thư viện tỉnh Thanh Hóa	13
9	Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sĩ Hàm Rồng	2695/QĐ-UBND ngày 20/7/2016	118.819	73.162	96.910	51.253	21.909	21.909			Sơ Xây dựng	
10	Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện Mường Lát	1342/QĐ-UBND ngày 23/8/2016	4.912	4.912	1.000	1.000	3.912	3.912	2.700	2.700	UBND huyện Mường Lát	
11	Trạm bảo vệ thực vật thị xã Bỉm Sơn	4240/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4.093	4.093	900	900	3.193	3.193	2.600	2.600	Sơ Nông nghiệp và PTNN	
12	Công sở xã Thanh Tâm, huyện Thạch Thành	4295/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	6.986	6.958	2.528	2.500	4.458	4.458			UBND xã Thanh Tâm	
13	Công sở xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy	4227/QĐ-UBND ngày 11/10/2016	6.736	6.736	4.850	4.850	1.886	1.886	1.000	1.000	UBND xã Cẩm Châu	
14	Công sở UBND xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương	8281/QĐ-UBND ngày 16/9/2016	2.329	1.735	1.270	1.270	465	465			UBND xã Quảng Thịnh	
15	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường nội thành Hàng Đông - Xuân Diệu, Minh Khai - Hà Văn Mao, thành phố Thanh Hóa	4647/QĐ-UBND ngày 11/11/2015	11.392	11.392	10.729	10.729	663	663			UBND thành phố Thanh Hóa	
16	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thành Thái, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa	3303/QĐ-UBND ngày 27/8/2016	11.492	11.492	8.980	8.980	2.512	2.512			UBND thành phố Thanh Hóa	
17	Đường Trần Hưng Đạo nối với QL1A, thị xã Bỉm Sơn	4244/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	26.980	26.980	22.000	22.000	4.980	4.980			UBND thị xã Bỉm Sơn	
18	Cầu Đen, xã Hà Tiến, huyện Hà Trung	2676/QĐ-UBND ngày 19/7/2016	9.355	9.355	2.500	2.500	6.855	6.855	5.800	5.800	UBND huyện Hà Trung	
19	Cầu Mắm Km12+822 tỉnh lộ 525 huyện Nông Công	5544/QĐ-UBND ngày 30/12/2015	19.162	19.162	15.600	15.600	3.562	3.562			Sở Giao thông Vận tải	
20	Cải thiện chuẩn bị đầu tư dự án Di tích, cứu hộ cứu nạn ven biển từ xã Hải Châu đến xã Hải Hòa huyện Tĩnh Gia	3231/QĐ-UBND ngày 17/9/2013	3.141	3.141	1.200	1.200	1.941	1.941			Sở Giao thông Vận tải	
21	Cải thiện chuẩn bị đầu tư Dự án đường giao thông từ thị xã Bỉm Sơn qua Phố Cát đến Thạch Quang, huyện Thạch Thành	3146/QĐ-UBND ngày 22/8/2016	3.870	3.870	900	900	2.970	2.970			Sở Giao thông Vận tải	
22	Tổ bộ đề tài công tác Hiệp xã Yên Tâm- Yên Giang, huyện Yên Định	4910/QĐ-UBND ngày 27/11/2015	7.027	6.718	4.150	4.150	2.568	2.568	1.300	1.300	UBND huyện Yên Định	
23	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ kỹ thuật chăn nuôi Thanh Hóa (GĐ 1)	4106/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	72.492	52.492	30.000	20.000	37.407	22.492	14.915		Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật chăn nuôi Thanh Hóa	
24	Khai hội nghị huyện Lang Chánh	3772/QĐ-UBND ngày 29/9/2015	27.605	27.605	9.956	9.956	17.649	17.649	15.016	15.016	UBND huyện Lang Chánh	
25	Tran liên hiệp và đóng hai đầu tràn sông Sao xã Giao Thuộc, huyện Lang Chánh	3527/QĐ-UBND ngày 21/10/2014, 4250/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	32.852	32.852	47.383		38.352	32.852	19.072	13.572	UBND huyện Lang Chánh	
26	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Tự Trọng, thị xã Sầm Sơn giai đoạn 2 (đoạn từ chân núi Trường Lệ đến đường Bà Triệu kéo dài)	3757/QĐ-UBND ngày 27/9/2016	31.656	2.640	24.916		2.640	2.640			UBND TX Sầm Sơn	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBĐT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trang đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016-2020		Vốn năm 2016 đã được giao Lề hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
27	Cải tạo nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Lang Chánh	2363-QĐ-UBND ngày 31/12/2015; 1998/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 (của UBND huyện Lang Chánh); 4247/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	7.818	6.948	2.470	1.600	5.348	4.314	3.934	2.900	Huyện ủy Lang Chánh	
28	Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống thủy sản Thanh Hóa (không bao gồm hạng mục thiết bị)	4223/QĐ UBND ngày 28/10/2016	76.506	11.989	64.517		11.989	11.989			Sở Nông nghiệp và PTNT	
29	Tu bổ, nâng cấp đê sông cầu Chày huyện Thọ Xuân.	4479/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	38.849	38.849	29.020	29.020	9.829	9.829			UBND huyện Thọ Xuân	
30	Hệ thống công trình thủy lợi xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	2324/QĐ-UBND ngày 01/7/2016	45.448	5.319	40.129		5.319	5.319			Chi cục phát triển nông thôn	
31	Hệ thống nước tưới kết hợp nước sinh hoạt bản Pom Khuáng xã Tam Chung, huyện Mường Lát	2216/QĐ-UBND ngày 25/11/2016	3.172	222	2.950		222	222			UBND huyện Mường Lát	
32	Cấp nước sinh hoạt bản Ôn xã Tam Chung, huyện Mường Lát	2217/QĐ UBND ngày 25/11/2016	966	349	617		349	349			UBND huyện Mường Lát	
33	Đập suối Ma xã Trung Lý, huyện Mường Lát	2075/QĐ UBND ngày 31/10/2016	1.369	321	1.048		321	321			UBND huyện Mường Lát	
34	Nhà lớp học + thiết bị dạy học mầm non bản Kèo Hươn, bản Tc bản Chưn, bản Lộc Há, bản Phá Đôn xã Phú Nhu, huyện Mường Lát	2072/QĐ UBND ngày 31/10/2016	1.326	516	810		516	516			UBND huyện Mường Lát	
35	Cải tạo nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tĩnh Gia	7062/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.760	2.760	1.000	1.000	1.760	1.760	1.364	1.364	Huyện ủy Tĩnh Gia	
36	Xây dựng, nâng cấp trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Triệu Sơn	3475/QĐ-UBND ngày 30/9/2016	4.050	3.650	2.650	2.250	1.400	1.400	715	715	Huyện ủy Triệu Sơn	
37	Đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình Quang trường văn hóa kết hợp hoạt động TDTT huyện Ngọc Lặc	3488/QĐ-UBND ngày 12/9/2016	24.636	17.877	7.000	7.000	10.877	10.877	8.000	8.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
38	Trung tâm hội nghị huyện Như Thanh	4225/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	23.901	14.284	4.000	2.000	12.284	12.284	5.000	5.000	UBND huyện Như Thanh	
39	Rà phá bom, mìn, vật nổ vùng lõi Thành Nhà Hồ huyện Vĩnh Lộc	920/QĐ-UBND ngày 02/4/2014	3.782	3.782	2.000	2.000	1.782	1.782			Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
40	Kè chống sạt lở bờ tả sông Bưởi tuyến đường 523 đoạn Đốc Trầu - Thạch Quang, xã Thành Trục, huyện Thạch Thành.	1499/QĐ-UBND ngày 05/7/2010	3.466	1.466	2.000		1.466	1.466			UBND huyện Thạch Thành	
41	Xây dựng các bể chứa nước trên Đảo Mè xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	4515/QĐ UBND ngày 17/12/2014	4.901	1.120	3.781		1.120	1.120			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
42	Cầu Yên Hoan qua sông Mã nối huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc	4684/QĐ UBND ngày 17/11/2015	246.625	27.265	219.360		27.265	20.195	7.070		Sở Giao thông Vận tải	
43	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hương Sơn, xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn	3395/QĐ UBND ngày 16/10/2012	15.582	2.000	14.582	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	UBND huyện Triệu Sơn	
44	Mở rộng Trung tâm Giao dịch, lao động xã hội Thanh Hóa.	3666/QĐ-UBND ngày 18/10/2013	45.265	13.138	32.127		13.138	13.138	13.138	13.138	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
45	Nâng cấp mặt đường đoạn từ Ngã ba Kim Tân đến công Nam Thành Nhà Hồ.	538/QĐ-UBND ngày 05/5/2015	2.291	2.291	1.700	1.700	591	591	591	591	UBND huyện Vĩnh Lộc	
46	Nhà vệ sinh công cộng, san lấp mặt bằng đường Nam cầu Bếch - Khu di tích lịch sử Lam Kinh	4625/QĐ UBND ngày 10/11/2015	4.070	4.070	3.000	3.000	1.070	1.070	1.070	1.070	Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bỏ tới đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Chi chủ
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
47	Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ năm ăn, năm được nêu theo hướng công nghiệp tại Thanh Hóa	530/QĐ-UBND ngày 11/2/2015	22 222	22 222	14 300	14 300	7 922	7 922	7 922	7 922	Trung tâm Nguồn cư ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học Thanh Hoa	
48	Bệnh viện Mắt Thanh Hoa	4441/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 3621/QĐ-UBND ngày 21/9/2015	69 613	45 426	49 187	25 000	20 426	20 426	20 426	20 426	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa	
49	Doanh trại cho đội công tác liên ngành phục vụ bão, năm mưa ban tại xã Mường Lý, huyện Mường Lát	3935/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	14.512	14 512	9 100	9 100	5 412	5 412	5 412	5 412	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (đnh)	
50	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Như Thanh	2550/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	3 576	3 576	2 660	2 660	916	916	916	916	Huyện ủy Như Thanh	
51	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Con Thủy	1604/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	3 653	3 653	2 480	2 480	1 173	1 173	1 173	1 173	Huyện ủy Cẩm Thủy	
52	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Vĩnh Lộc	886/QĐ-UBND ngày 07/7/2015	3.860	3 761	2 899	2 800	961	961	961	961	Huyện ủy Vĩnh Lộc	
53	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hà Trung	4431/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	5 122	5 122	3 650	3 650	1 472	1 472	1 472	1 472	Huyện ủy Hà Trung	
54	Trường THPT Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc	2487/QĐ-UBND ngày 08/7/2015	17 330	17 330	16 622	16 622	708	708	708	708	UBND huyện Ngọc Lặc	
55	Cải tạo Trường Chính trị tỉnh	4170/QĐ-UBND ngày 19/10/2015	16 113	16 113	11 000	11 000	5 113	5 113	5 113	5 113	Trường Chính trị tỉnh	
56	Đường giao thông liên huyện Như Xuân - Thương Xuân	4269/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	37 803	7 646	30 157		7 646	7 646	7 646	7 646	UBND huyện Như Xuân	
57	Tin báo, tôn tạo di tích Quốc gia Đền thờ Trần Khát Trăn, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	560/QĐ-UBND ngày 11/12/2015	15 778	9 347	11 431	5.000	4 347	1 370	4 347	1 370	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
58	Trung tâm, tôn tạo di tích Quốc gia Chùa Hoa Long, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	5599/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	18 605	12 374	11 231	5 000	7 278	1 570	7.278	3 570	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
59	Nhà điều trị nội trú và quản lý hành chính - Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Mắt tỉnh Thanh Hóa	2496/QĐ-UBND ngày 05/7/2015	47 050	15 712	31 338		15 712	15 712	15 712	15.712	Bệnh viện nội tiết Thanh Hóa	
60	Cải tạo sửa chữa nhà nghỉ E - Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa	387/QĐ-UBND ngày 02/2/2015	12 297	12 297	9 900	9 900	2 397	2.397	2.397	2.397	Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Huyện ủy Hoàng Hóa	
61	Cải tạo nâng cấp công sở Khối đoàn thể huyện Hoàng Hóa và sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy Hoàng Hóa	2403/QĐ-UBND ngày 29/6/2015	10 423	4 597	6 700	6 500	3 097	3 097	3 097	3 097	UBND tỉnh Huyện ủy Hoàng Hóa	
62	Một công trình làm việc UBND huyện Tĩnh Gia	3387/QĐ-UBND ngày 07/9/2015	9 314	4 574	5 716	5 100	3 478	3.478	3 478	3 478	UBND huyện Tĩnh Gia	
63	Khu T. Chi huyện Ngọc Lặc	785/QĐ-UBND ngày 12/3/2015	13 188	7 113	11 428	5.353	1 760	1.760	1 760	1 760	UBND huyện Ngọc Lặc	
64	Công sở xã Thiệu Thắng, huyện Nga Sơn	1308/QĐ-UBND ngày 14/4/2015	6 693	6 693	4 390	4 390	2 303	2 303	2 303	2 303	UBND xã Nga Thắng	
65	Công sở xã Thiệu Cường, huyện Thiệu Hóa	1405/QĐ-UBND ngày 20/4/2015	5 002	5 002	3 450	3 450	1 552	1 552	1 552	1 552	UBND xã Thiệu Giang	
66	Công sở xã Quang Trung, TX Bim Sơn	4413/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	1 400	5 963	11 777	4 340	1 623	1 623	1 623	1 623	UBND xã Quang Trung	
67	Công sở xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân	41/QĐ-UBND ngày 08/01/2013, 4210/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	1 315	2 306	3 115	2.106	200	200	200	200	UBND xã Xuân Trường	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tăng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được gian kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (t)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (t)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
68	Công sở xã Hoàng Khê, huyện Hoàng Hòa.	3084/QĐ-UBND ngày 17/8/2015	8.551	6.707	5.050	5.050	1.657	1.657	1.657	1.657	UBND xã Hoàng Khê	
69	Công sở xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa.	4344/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	5.128	5.128	2.500	2.500	2.628	2.628	2.628	2.628	UBND xã Nam Xuân	
70	Công sở xã Cán Khê huyện Như Thanh	4531/QĐ-UBND ngày 30/11/2015	6.666	6.666	4.550	4.550	2.116	2.116	2.116	2.116	UBND xã Cán Khê	
71	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Bến Nhạn xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống	201/QĐ-UBND ngày 21/01/2015	12.207	12.207	11.700	11.700	507	507	507	507	UBND huyện Nông Cống	
72	Đường Đông Hương 1, đoạn từ Đại lộ Lê Lợi đến đường Đông Hương 2	4884/QĐ UBND ngày 25/11/2015	37.765	35.543	28.369	26.641	8.902	8.902	8.902	8.902	UBND thành phố Thanh Hoá	
73	Cải tạo, nâng cấp đường vào các cơ quan huyện Tĩnh Gia.	183/QĐ-UBND ngày 19/01/2015	48.653	23.426	18.979	16.291	7.135	7.135	7.135	7.135	UBND huyện Tĩnh Gia	
74	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Sơn.	3435/QĐ-UBND ngày 09/9/2015	7.201	7.201	6.500	6.500	701	701	701	701	UBND huyện Quan Sơn	
75	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn huyện Mường Lát.	3017/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	8.743	1.319	7.400		1.319	1.319	1.319	1.319	UBND huyện Mường Lát	
76	Đường giao thông từ sân bay Sao Vàng đi QL47.	3822/QĐ-UBND ngày 01/10/2015	119.256	119.256	100.000	100.000	19.256	19.256	19.256	19.256	Sở Giao thông Vận tải	
77	Đường giao thông Xuân Phúc - Phúc Đường - Thanh Tân, huyện Như Thanh.	3616/QĐ UBND ngày 21/9/2015.	40.327	9.626	30.701		9.626	9.626	9.626	9.626	UBND huyện Như Thanh	
78	Đường giao thông hòa xã Thọ Lâm đi Xuân Thắng	460/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	16.713	5.103	11.610		5.103	5.103	5.103	5.103	UBND huyện Thọ Xuân	
79	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Kìn Tân huyện Thạch Thành	2261/QĐ-UBND ngày 18/6/2015	13.241	12.483	9.858	9.100	3.383	3.383	3.383	3.383	UBND huyện Thạch Thành	
80	Nâng cấp đường Nga Nhân - Nga Thiện - Nga An, huyện Nga Sơn	3536/QĐ-UBND ngày 16/9/2015	40.185	40.059	27.200	27.200	12.859	12.859	12.859	12.859	UBND huyện Nga Sơn	
81	Hệ thống cầu treo và đường trên các huyện miền núi.	3774/QĐ-UBND ngày 29/9/2015	19.733	19.733	13.783	13.783	5.950	5.950	5.950	5.950	Sở Giao thông Vận tải	
82	Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ lâm nghiệp Thanh Hóa (Không bao gồm gói thầu thiết bị)	4360/QĐ-UBND ngày 09/12/2014	43.593	12.175	31.331		12.175	12.175	12.175	12.175	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ lâm nghiệp Thanh Hóa	
83	Cấp bù tiền chênh lệch chi phí khảo sát thiết kế lâm sinh thuộc dự án trồng rừng 661, 147 năm 2010.	4753/QĐ-UBND ngày 29/12/2014	2.030	2.030	1.420	1.420	610	610	610	610	Đoàn quy hoạch và khảo sát thiết kế nông, lâm nghiệp Thanh Hóa	
84	Xử lý sạt lở bờ tả sông Bưởi tại K18+900 tuyến đường 523 xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành	4665/QĐ UBND ngày 24/12/2014	6.251	6.218	4.140	4.140	2.078	2.078	2.078	2.078	UBND huyện Thạch Thành	
85	Hạ tầng tại định cư thuộc Dự án xử lý trong diêm xung yếu đoạn K30 - K36 đê hữu sông Mã xã Thục Quang Thục Thuận, Thiệu Hợp huyện Thiệu Hóa	44/QĐ UBND ngày 09/01/2015	8.028	1.028	7.000		1.028	1.028	1.028	1.028	UBND huyện Thiệu Hóa	
86	Xử lý khẩn cấp sạt lở đê hữu sông Cầu Cháy (đoạn qua xã Nhuận Mậu, Xuân Tân huyện Thọ Xuân)	2640/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	19.051	16.081	12.970	10.000	6.081	6.081	6.081	6.081	UBND huyện Thọ Xuân	
87	Trạm bơm tưới A Lăng xã Quý Lộc, huyện Yên Định	4350/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	11.921	11.921	7.500	7.500	4.421	4.421	4.421	4.421	UBND huyện Yên Định	
88	Chiến đấu tranh trừ bâu cho tiêu thụ sản phẩm cá Lạch Bang	4234/QĐ-UBND ngày 03/12/2014	112.659	19.378	93.281		19.378	19.378	19.378	19.378	Sở Nông nghiệp và PTNT	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016-2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Lưu án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt		2.129.609	1.685.772	1.103.648	866.006	489.055	348.055	353.809	213.809		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Lương, thị xã Sâm Sơn	442/QĐ UBND ngày 11/12/2011, 452/QĐ-UBND ngày 02/11/2015	455.655	455.655	162.250	162.250	220.000	95.000	190.000	60.000	UBND thị xã Sâm Sơn	
2	Đầu tư nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Như Xuân	654/QĐ-UBND ngày 21/4/2014	7.944	7.944	4.800	4.800	1.950	1.950	967	967	Huyện ủy Như Xuân	
3	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Thạch Thành	861/QĐ-UBND ngày 18/4/2012	4.571	4.571	2.900	2.900	478	478	478	478	Huyện ủy Thạch Thành	
4	Trung tâm y tế huyện Tĩnh Gia	1280/QĐ-UBND ngày 28/4/2014	19.542	19.542	6.000	6.000	10.600	10.600	5.000	5.000	Sở Y tế	
5	Bảo tồn, tôn tạo Khu lăng mộ Triết Vương Tnhh Tung, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc	3693/QĐ-UBND ngày 09/11/2011, 4340/QĐ-UBND ngày 11/2/2014	17.330	15.510	8.870	7.370	6.000	6.000	4.300	4.300	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
6	Nhà lưu niệm, đền, nhà ở cho các mẹ ve hưu tại Làng trẻ em SOS Thủ đô Hà Nội	1840/QĐ-UBND ngày 15/6/2012	6.151	6.151	3.471	3.471	1.700	1.700			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
7	Nhà trong thực hành nghề kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính và thiết kế thời trang, Trường trung cấp nghề thanh thiếu niên đặc biệt khó khăn Thanh Hóa	590/QĐ-UBND ngày 08/2/2013	11.001	3.001	6.000		3.001	3.001			Trường trung cấp nghề thanh thiếu niên đặc biệt khó khăn Thanh Hóa	
8	Bảo tồn và phát triển làng văn hóa truyền thống Lương Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	601/QĐ-UBND ngày 03/12/2009, 300/QĐ-UBND ngày 24/01/2014	14.274	11.764	9.710	8.710	1.300	1.300			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
9	Phục hồi trần địa đới, C4 thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích LSVH Hàm Rồng	3647/QĐ-UBND ngày 10/10/2014	5.562	5.562	2.000	2.000	2.700	2.700	2.150	2.150	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
10	Trụ sở làm việc Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	3623/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	15.857	15.857	2.500	2.500	11.000	11.000	9.400	9.400	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	
11	Trạm Thu y thành phố Thanh Hóa	3692/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	6.009	6.009	1.000	1.000	4.100	4.100	3.500	3.500	Chi cục Thú y	
12	Công sở xã Hà Hải, huyện Hà Trung	3145/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	4.900	3.926	2.500	2.500	830	830			UBND xã Hà Hải	
13	Sân lắp mặt bằng và xây dựng hệ thống đư mg giao thông ra vào cảng hàng không Thọ Xuân	1018/QĐ-UBND ngày 15/4/2015	77.728	77.728	55.900	55.000	11.000	11.000			Sở Giao thông Vận tải	
14	Đường ven sông Mã từ ngã ba Bồng đến QL 1A, thuộc địa phận huyện Hậu Lộc	4008/QĐ-UBND ngày 11/11/2009, 2286/QĐ-UBND ngày 23/7/2012	47.157	21.301	28.856	3.000	11.300	11.300	6.500	6.500	UBND huyện Hậu Lộc	
15	Đề tài sông Au xã Thuận Lộc huyện Hậu Lộc (từ đập Bộ Dầu đến làng Nhữe Thuận xã Thuận Lộc) (2011)	1320/QĐ-UBND ngày 27/4/2011, 1903/QĐ-UBND ngày 26/5/2015	6.591	6.391	3.700	3.700	1.700	1.700	700	700	UBND huyện Hậu Lộc	
16	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ xã Thuận Lộc huyện Hậu Lộc	3776/QĐ-UBND ngày 22/10/2009, 1278/QĐ-UBND ngày 10/4/2015	14.951	7.951	7.000		5.700	5.700	4.210	4.210	UBND huyện Hậu Lộc	
17	Kiên cố kênh cấp 1 và kênh nội đồng xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân	4380/QĐ-UBND ngày 09/12/2013	14.707	8.069	3.492	3.492	3.400	3.400	2.560	2.560	UBND huyện Thường Xuân	



Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBT); giá trị quyết toán		Vốn đã bỏ trị đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Giữ chủ
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016-2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
18	Nội thất Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh.	3443/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	26.748	26.748	10.000	10.000	12.700	12.700			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
19	Cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị Sân bay Thọ Xuân	2307/QĐ-UBND ngày 04/7/2013	289.758	289.758	147.459	147.459	14.000	14.000			Sở Giao thông Vận tải	
20	Trạm kiểm dịch động vật Đốc Xây, thị xã Bỉm Sơn.	3691/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	3.817	3.817	700	700	2.500	2.500	2.160	2.160	Chi cục Thú y	
21	Trạm Thu y huyện Mường Lát.	370/QĐ-UBND ngày 06/02/2009; 3690/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	4.590	4.590	600	600	3.300	3.300	2.850	2.850	Chi cục Thú y	
22	Trạm bảo vệ thực vật thành phố Thanh Hóa.	3648/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	4.917	4.917	900	900	3.300	3.300	2.800	2.800	Chi cục bảo vệ thực vật	
23	Cải tạo, nâng cấp công trình đường giao thông từ ngã ba thôn B xã Tân Ninh đến đến Am Tiên, huyện Triệu Sơn.	1621/QĐ-UBND ngày 24/5/2011; 3302/QĐ-UBND ngày 20/9/2013; 2939/QĐ-UBND ngày 09/9/2014	99.293	99.293	75.516	75.516	9.000	9.000	7.800	7.800	UBND huyện Triệu Sơn	
24	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông vào Nhà máy Ferocrom Nam Việt thuộc địa phận xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	1401/QĐ-UBND ngày 27/4/2010; 3874/QĐ-UBND ngày 10/11/2014	44.968	40.869	26.644	25.588	9.300	9.300	5.100	5.100	UBND huyện Triệu Sơn	
25	Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh	3367/QĐ UBND ngày 22/9/2010; 391/QĐ-UBND ngày 28/1/2011; 4613/QĐ-UBND ngày 23/12/2014	259.114	96.942	156.072	51.923	35.000	21.000	30.000	20.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
26	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Hóa.	3713/QĐ-UBND ngày 20/11/2008; 835/QĐ-UBND ngày 18/3/2011	16.624	13.222	11.700	8.300	2.900	2.900			UBND huyện Quan Hóa	
27	Cải tạo nâng cấp đường Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa.	1699/QĐ-UBND ngày 20/5/2010	29.479	34.740	11.100	11.100	1.400	1.400			UBND thành phố Thanh Hóa	
28	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Yên Định.	896/QĐ-UBND ngày 01/4/2014	11.396	7.325	4.000	4.000	2.200	2.200	1.850	1.850	Huyện ủy Yên Định	
29	Đường Đông Hương 2, TP. Thanh Hóa	74/QĐ-UBND ngày 09/01/2012	66.046	33.023	31.481	21.000	7.100	7.100	5.400	5.400	UBND thành phố Thanh Hóa	
30	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ngọc Lặc.	961/QĐ-UBND ngày 07/4/2014	14.278	9.388	3.000	3.000	5.000	5.000	4.500	4.500	Huyện ủy Ngọc Lặc	
31	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hậu Lộc.	3619/QĐ UBND ngày 29/10/2014	10.903	7.269	2.000	2.000	4.200	4.200	3.800	3.800	Huyện ủy Hậu Lộc	
32	Đầu tư xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị TX. Bỉm Sơn	3618/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	10.885	6.637	1.900	1.900	3.740	3.740	3.400	450	Thị ủy Bỉm Sơn	
33	Đầu tư nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bá Thước	2398/QĐ UBND ngày 27/4/2013	4.360	4.360	1.000	1.000	2.700	2.700	2.500	2.500	Huyện ủy Bá Thước	
34	Nhà hát Lam Sơn, TP Thanh Hóa.	3410/QĐ UBND ngày 01/10/2009; 4024/QĐ-UBND ngày 30/11/2012	163.368	163.368	121.684	121.684	17.200	17.200	9.000	9.000	UBND thành phố Thanh Hóa	
35	Sa bàn Hàm Rồng chiều thẳng.	3548/QĐ-UBND ngày 23/10/2014	4.214	4.214	1.000	1.000	2.600	2.600	2.380	2.380	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
36	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thanh Hóa.	6264/QĐ H14-H45 ngày 24/10/2012	171.168	42.792	106.000	34.000	8.792	8.792	8.792	8.792	Công an tỉnh	
37	Trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Thọ Xuân.	3490/QĐ UBND ngày 24/10/2011	26.384	26.384	11.643	11.643	10.800	10.800	9.500	9.500	Huyện ủy Thọ Xuân	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bỏ chi đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Chi chủ
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giải đoạn 2016-2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (I)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (I)		
33	Cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Triệu Sơn	2746/QĐ-UBND ngày 23/2/11	27.622	14.000	14.000	9.500	9.500	8.000	3.000	UBND huyện Triệu Sơn	13	
39	Khu vui chơi huyện Như Xuân	1846/QĐ-UBND ngày 10/6/2011, 1925/QĐ-UBND ngày 13/10/2013	11.370	10.000	6.000	3.100	3.100	3.100	3.100	UBND huyện Như Xuân		
40	Công sở xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân	1776/QĐ-UBND ngày 25/3/2014	6.128	4.950	2.500	1.700	1.700	1.460	1.460	UBND xã Thọ Lập		
41	Công sở xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia	1826/QĐ-UBND ngày 09/6/2011, 583/QĐ-UBND ngày 07/02/2013	15.393	13.173	5.600	6.700	6.700	6.100	6.100	UBND xã Mai Lâm		
42	Công sở xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân	1712/QĐ-UBND ngày 11/10/2014	7.050	3.452	2.500	952	952	952	952	UBND xã Xuân Tín		
43	Xây dựng công trình thủy lợi chi tiêu, lợi cho 02 xã Quang Lộc và Liên Lộc, huyện Hậu Lộc	3801/QĐ-UBND ngày 21/11/2011	31.250	30.379	21.700	4.100	4.100	2.600	2.600	UBND huyện Hậu Lộc		
44	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đông Ngạn, xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn	4047/QĐ-UBND ngày 28/12/2005, 1265/QĐ-UBND ngày 4/5/2007	2.311	2.311	1.500	460	460			UBND huyện Triệu Sơn		
45	Sửa chữa nâng cấp cải tạo trạm bơm tưới xã Vĩnh Khang, huyện Hậu Lộc	41/QĐ-UBND ngày 28/01/2010	1.631	1.631	800	580	580			UBND huyện Vĩnh Lộc		
46	Cải tạo trạm bơm tưới xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	971/QĐ-UBND ngày 23/9/2009	2.831	2.831	1.800	600	600			UBND huyện Vĩnh Lộc		
47	Khu Đông Phát, nơi kết chung cư Đông Phát với khu dân cư phường Đông Vệ, đường Đông Tây, thành phố Thanh Hóa	1615/QĐ-UBND ngày 06/6/2008	11.145	11.145	8.300	872	872			UBND thị xã Thanh Hóa		
48	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2017 - 2020		4.178.112	3.000.911	1.520.892	916.821	1.376.082	1.223.005	411.605			
49	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2017		1.600.481	971.492	618.831	317.160	511.682	469.340	226.292	153.960		
50	Nâng cấp trường Cao đẳng Thể dục, Thể thao Thanh Hóa	4287/QĐ-UBND ngày 29/12/2008, 457/QĐ-UBND ngày 16/3/2012, 544/QĐ-UBND ngày 26/2/2014	105.139	84.668	77.171	77.171	6.900	6.900	945	945	Trường Cao đẳng Thể dục Thể thao Thanh Hóa	
51	Hoàn thành nội thất, đồ thờ, đèn thờ các Ban thờ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng	2417/QĐ-UBND ngày 01/8/2014, 3102/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	63.051	51.545	7.455	5.000	46.000	25.949	20.051	Sở Xây dựng		
52	Trung tâm y tế huyện Nga Sơn	3687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	19.603	19.053	3.550	3.000	12.600	12.600	6.000	6.000	UBND huyện Nga Sơn	
53	Cải tạo nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân	3058/QĐ-UBND ngày 19/9/2011, 3807/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	43.198	24.839	10.175	26.500	18.016	11.484	3.000	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân		
54	Đầu tư xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành	1700/QĐ-UBND ngày 8/6/2009, 874/QĐ-UBND ngày 30/3/2012	94.166	27.901	51.692	28.300	13.367	14.933		Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành, UBND huyện Thạch Thành		
55	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc	2084/QĐ-UBND ngày 14/7/2008, 2212/QĐ-UBND ngày 16/7/2014, 374/QĐ-UBND ngày 02/2/2015	27.205	6.899	20.366	2.800	2.800			Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc		

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (I)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (I)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước	2085/QĐ-UBND ngày 14/7/2008; 2970/QĐ-UBND ngày 11/9/2014; 1614/QĐ-UBND ngày 5/5/2015	29.668	8.153	20.628	100	4.590	3.603	987		Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	
8	Doanh trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1735/QĐ-BTL ngày 22/9/2014	193.487	96.893	71.000	28.500	54.000	54.000	20.000	20.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
9	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa Ngêc Vệt xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc	2750/QĐ-UBND ngày 08/8/2013; 4496/QĐ-UBND ngày 18/12/2013; 1966/QĐ-UBND ngày 25/6/2014	37.072	27.592	9.480		23.500	23.500	8.000	8.000	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
10	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh	2342/QĐ-UBND ngày 31/7/2008, 3811/QĐ-UBND ngày 01/10/2015	43.807	19.149	21.831	50	15.400	12.523	5.877	3.000	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh	
11	Dự án CHI-01	678/QĐ UBND ngày 25/2/2013	36.263	36.263	23.200	23.200	12.000	12.000	6.000	6.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
12	Đương cơ động trong căn cứ hậu phương của tỉnh.	45/QĐ-UBND ngày 07/01/2009; 2652/QĐ-UBND ngày 02/8/2010; 648/QĐ-UBND ngày 22/2/2013	68.151	68.151	40.779	40.779	17.300	17.300	10.300	10.300	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
13	Tòa nhà báo Thanh Hoa và Trung tâm báo chí TP. Thanh Hoa	3519/QĐ-UBND ngày 26/10/2012	76.414	76.414	35.000	35.000	30.000	30.000	15.000	15.000	Báo Thanh Hóa	
14	Xây dựng mới nhà 3 tầng, cải tạo nhà đội xe thành nhà công vụ và một số công trình phụ trợ của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	3624/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	17.923	17.923	3.000	3.000	12.200	12.200	6.000	6.000	Văn phòng UBND tỉnh	
15	Khu hội nghị huyện Thường Xuân	3640/QĐ-UBND ngày 17/10/2013	27.055	23.905	8.650	5.500	14.800	14.800	3.000	3.000	UBND huyện Thường Xuân	
16	Khu hội nghị huyện Mường Lát	4493/QĐ UBND ngày 16/12/2013; 3576/QĐ-UBND ngày 18/9/2015	35.234	35.234	2.500	2.500	27.500	27.500	10.000	10.000	UBND huyện Mường Lát	
17	Trung tâm hội nghị huyện Quan Sơn	3623/QĐ-UBND ngày 12/10/2010; 3554/QĐ-UBND ngày 17/9/2015	18.560	18.310	2.000	2.000	13.500	13.500	5.900	5.900	UBND huyện Quan Sơn	
18	Trung tâm Hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bìn Sơn	3477/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	57.551	20.986	2.000	2.000	16.000	16.000	6.615	6.615	UBND thị xã Bìn Sơn	
19	Trạm bảo vệ thực vật huyện Mường Lát	3696/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	4.804	4.804	900	900	3.100	3.100	1.900	1.900	Sở Nông nghiệp và PTNN	
20	Công sở xã Tân Thành huyện Thường Xuân	2551/QĐ-UBND ngày 24/7/2013	8.425	8.425	5.360	5.360	1.800	1.800			UBND xã Tân Thành	
21	Công sở xã Thiệu Vò, huyện Thiệu Hóa	3501/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	10.721	5.722	3.000	3.000	1.800	1.800			UBND xã Thiệu Vò	
22	Công sở xã Thiệu Vạn, huyện Thiệu Hóa	4634/QĐ-UBND ngày 26/12/2013	7.704	5.979	3.000	3.000	2.100	2.100			UBND xã Thiệu Vạn	
23	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa	1700/QĐ-UBND ngày 20/05/2010; 4139/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	158.883	70.671	57.867	34.000	26.000	26.000	11.200	11.200	UBND thành phố Thanh Hóa	
24	Đường giao thông tỉnh lộ 7 đến đường gom Khu công nghiệp Bìn Sơn	Số 4622/QĐ UBND ngày 25/12/2009	96.386	27.535	53.867	3.100	20.300	20.300	8.000	8.000	UBND thị xã Bìn Sơn	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
25	Đường Bà Triệu, từ xã Sầm Sơn (đoạn từ đường 1 đến ven Trại đen đường Vĩnh Đại)	Số 2515/QĐ-UBND ngày 19/7/2015	54.492	11.736	27.000		11.700	11.700			UBND TK Sầm Sơn	
26	Thuyền đường chình và đường xương ca từ trấn Quan Hoa	1583/QĐ-UBND ngày 21/5/2009, 2783/QĐ-UBND ngày 30/7/2015	26.507	24.873	8.500	8.500	12.600	12.600	9.100	9.100	UBND huyện Quan Hoa	
27	Xây dựng công trình cấp nước sạch cho các xã Đông Quang, Đông Phú, Đông Nam, huyện Đông Sơn	3622/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	28.338	18.252	4.500	4.500	11.000	11.000	4.500	4.500	UBND huyện Đông Sơn	
28	Đình canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số bản Piêng Trạng xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn	575/QĐ-UBND ngày 28/2/2011	34.611	10.835	17.160		9.200	9.200	4.500	4.500	UBND huyện Quan Sơn	
29	Đường giao thông xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành	2099/QĐ-UBND ngày 07/7/2009, 3320/QĐ-UBND ngày 24/9/2013	71.751	62.526	11.000	11.000	42.000	42.000	11.000	11.000	UBND huyện Thạch Thành	
30	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Quảng Lĩnh - Quang Trường - Quang Vọng, huyện Quang Xương, tỉnh Thanh Hóa	1133/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 (89/QĐ-UBND ngày 27/4/2015)	45.039	26.664	3.000	3.000	19.600	9.600	10.000		UBND huyện Quang Xương	
31	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Hoa Lộc đến đê biển Minh Lộc, cầu Đe và tuyến nhánh đến UBND xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc.	3018/QĐ-UBND ngày 27/8/2013	59.213	21.100	13.000	13.000	16.592	1.592	15.000		UBND huyện Hậu Lộc	
<b>Dự án hoàn thành cuối năm 2017</b>			<b>2.188.401</b>	<b>1.620.715</b>	<b>720.700</b>	<b>427.300</b>	<b>794.400</b>	<b>713.655</b>	<b>145.313</b>	<b>61.565</b>		
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	3041/QĐ-UBND ngày 27/2/2011	125.830	125.830	25.000	25.000	82.000	82.000	3.000	3.000	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	
2	Đầu tư xây dựng Khoa quốc tế - Bệnh viện Đa khoa tỉnh	4839/QĐ-UBND ngày 31/12/2011, 1169/QĐ-UBND ngày 20/8/2016	74.774	60.000	5.000		35.000	35.000	17.568	17.568	Bệnh viện đa khoa tỉnh	
3	Tuyến đường bộ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn	27/QĐ-BQLKKTNS ngày 03/03/2011, 192/QĐ-BQLKKTNS ngày 28/6/2013	324.300	212.459	111.841		60.000	40.000	20.000		Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
4	Cải dịch sống Tuần Cung - KKT Nghi Sơn	418/QĐ-BQLKKTNS ngày 31/12/2013	107.719	107.719	20.000	20.000	50.000	50.000			Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
5	Hệ thống giao thông và Mương Chanh, huyện Mường Lát	4158/QĐ-UBND ngày 18/10/2015	114.590	50.000	8.000		50.000	50.000			UBND huyện Mường Lát	
6	Đường trục chính nối từ tuyến thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 với QL 45 huyện Vĩnh Lộc	4272/QĐ-UBND ngày 02/12/2009, 2252/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	149.778	149.778	12.000		115.000	96.800	18.500		UBND huyện Vĩnh Lộc	
7	Đường giao thông từ ban Ca Nội, xã Pù Núi đi ban Chưm xã Nghi Sơn	264/QĐ-UBND ngày 30/10/2010, 568/QĐ-UBND ngày 03/7/2014	102.546	46.957	55.500		31.000	31.000	10.000	10.000	UBND huyện Mường Lát	
8	Đường giao thông cầu Ke - Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân	13/QĐ-UBND ngày 07/01/2009, 2292/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	232.893	91.284	71.970		77.500	71.255	16.245	10.000	UBND huyện Thọ Xuân	
9	Nhà làm việc trung tâm Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa	252/QĐ-H41 H45 ngày 30/10/2015	127.222	19.500	20.000		16.500	16.500			Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Thanh Hóa	
10	Đầu tư xây dựng hợp khời Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và Trung tâm thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ	2908/QĐ-UBND ngày 16/8/2013, 4302/QĐ-UBND ngày 02/11/2016	61.007	58.384	11.000	11.000	38.000	38.000	9.000	9.000	Sở Khoa học và Công nghệ	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bỏ (trị đến 31/12/2015)		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Chi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Đường giao thông đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến huyện Hoàng Hóa	3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	135.877	89.813	28.000	10.000	66.300	60.300	6.000		UBND huyện Hoàng Hóa	
12	Hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt của TP Thanh Hóa và các vùng phụ cận (Giai đoạn I).	3992/QĐ-UBND ngày 08/11/2010; 1900/QĐ-UBND ngày 19/6/2014	133.155	133.155	81.900	81.900	31.200	31.200			Công ty TNHH một thành viên môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị)	
13	Trung tâm Truyền hình - Truyền âm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hóa	1195/QĐ UBND ngày 18/4/2011; 4140/QĐ UBND ngày 25/10/2016	495.310	495.310	279.400	279.400	141.600	111.600	45.000	15.000	Sơ lập dựng	
*	Dự án chuyển sang thực hiện từ nguồn sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2017 - 2020		389.230	389.230	172.352	172.352	40.000	40.000	40.000	40.000		
1	Mở rộng Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa	3267/QĐ-UBND ngày 19/9/2013; 3118/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	202.637	202.637	74.809	74.809	20.000	20.000	20.000	20.000	Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa, Trường Đại học Y Hà Nội	Bổ trợ từ nguồn sự nghiệp giáo dục trong dự toán ngân sách giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện
2	Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ Thuật Thanh Hóa	3219/QĐ-UBND ngày 21/9/2009; 307/QĐ-UBND ngày 25/1/2011; 3311/QĐ-UBND ngày 08/10/2012	186.593	186.593	97.543	97.543	20.000	20.000	20.000	20.000	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bổ trợ từ nguồn sự nghiệp giáo dục trong dự toán ngân sách giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện
(2)	Dự án kết nối công mới và chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2016 - 2020		10.235.882	5.359.441			3.864.647	3.761.881	497.264	394.498		
a	Dự án khai công mới năm 2016		2.142.115	1.799.577			1.537.092	1.457.575	470.365	390.848		
1	Dự án Trần Nhân Tông đoạn từ điểm cuối ĐĐ1 đại lộ Nam Sông Mã đến đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn.	3998/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	126.203	126.203			107.200	107.200	100.000	100.000	Sở Giao thông Vận tải	
2	Nâng cấp cải tạo đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn.	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	159.894	151.276			128.500	105.983	24.517	2.000	UBND thị xã Sầm Sơn	
3	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL1A với QL 10 (đoạn từ Đập Lọc đến Liên Lộc), huyện Hậu Lộc.	4323/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	145.966	140.298			119.200	119.200	30.000	30.000	UBND huyện Hậu Lộc	
4	Đường giao thông từ QL1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bỉm Sơn	4339/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	181.086	172.050			146.200	146.200	30.000	30.000	UBND thị xã Bỉm Sơn	
5	Nâng cấp, cải tạo đường từ tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi tỉnh lộ 517 (xã Đông Lợi), huyện Triệu Sơn	4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	79.960	77.639			66.000	66.000	13.000	13.000	UBND huyện Triệu Sơn	
6	Nâng cấp cải tạo đường Mỹ Tấn - Cao Ngọc - Văn Am, huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh	4225/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 2020/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	119.976	117.476			104.000	104.000	21.000	21.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
7	Đường trục chính đô thị - thị trấn Đông Sơn (kết nối QL45, 47)	4398/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	153.021	134.831			114.600	114.600	16.000	16.000	UBND huyện Đông Sơn	
8	Cầu qua sông Hoàng, xã Quang Trung, huyện Quang Xương	4201/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	53.031	52.548			45.000	45.000	16.000	16.000	UBND huyện Quang Xương	
9	Cầu cống từ thị trấn Mường Lat đi bản Pom Khuông, xã Fain Chung, huyện Mường Lat	4437/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	30.364	30.364			26.000	26.000	10.500	10.500	UBND huyện Mường Lat	
10	Đường giao thông từ xã Liên Thành, huyện Thường Xuân đi xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn	4400/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	44.983	44.983			39.088	39.088	15.700	15.700	UBND huyện Thường Xuân	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bỏ tri đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Sơn Lư - Tam Lư, huyện Quan Sơn	4366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	41.988	41.988			36.000	36.000	14.500	14.500	UBND huyện Quan Sơn	
12	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ nhà lộ 530 đi đền Thác Ma Hao và ban Năng Cát xã Trì Nang, huyện Lang Chánh	4424/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	37.952	37.271			32.000	32.000	12.000	12.000	UBND huyện Lang Chánh	
13	Đường giao thông từ xã Lung Niêm đi Khu du lịch Thác Hươu, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước	4414/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	35.000	22.500			19.100	6.600	12.500		UBND huyện Bá Thước	
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xã Cẩm Ngọc đi xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy	4401/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	35.995	23.495			20.000	7.500	12.500		UBND huyện Cẩm Thủy	
15	Đường từ xã Xuân Phú huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân huyện Quan Sơn	4425/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	46.999	10.499			26.000	9.500	16.500		UBND huyện Quan Hóa	
16	Cải tạo, nâng cấp đường liên huyện từ xã Yên Lâm, huyện Yên Định đi xã Cao Thịnh, Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc	4399/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	37.990	12.000			28.000	28.000	11.500	11.500	UBND huyện Yên Định	
17	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động trong của các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2020	4458/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	47.772	47.772			40.600	40.600	17.000	17.000	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 217 đi xã Vĩnh Minh và Di tích Quốc gia danh lam thắng cảnh núi Kim Sơn, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc.	4426/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	44.992	44.992			38.000	38.000	4.000	4.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
19	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng, đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đông Thăng, huyện Triệu Sơn.	2901/QĐ-UBND ngày 07/8/2016	53.972	53.972			46.000	46.000	1.000	1.000	UBND huyện Triệu Sơn	
20	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ QL45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định	3171/QĐ-UBND ngày 25/8/2016	79.490	79.490			67.500	67.500	5.000	5.000	UBND huyện Yên Định	
21	Nâng cấp trạm bơm tiêu Quang Hoa, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân	4359/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	84.981	82.881			70.000	70.000	13.000	13.000	UBND huyện Thọ Xuân	
22	Nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Mường Lát	4245/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	8.457	8.457			8.457	2.957	8.100	2.600	Huyện ủy Mường Lát	
23	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Thường Xuân	2388/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	4.597	4.597			4.597	4.597	1.400	1.400	Huyện ủy Thường Xuân	
24	Nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Quan Hóa	4429/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	4.384	4.384			3.700	3.700	1.550	1.550	Huyện ủy Quan Hóa	
25	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Quan Sơn	236/QĐ-UBND ngày 25/02/2016	6.190	5.000			4.250	4.250	1.500	1.500	Huyện ủy Quan Sơn	
26	Trung tâm bồi dưỡng chính trị T. xã Sầm Sơn	3555/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	11.478	7.000			6.000	6.000	2.000	2.000	Thị ủy Sầm Sơn	
27	Bảo tồn, tu bổ tôn tạo Khu Phủ từ, lăng bầy, quán lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc	4363/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	289.942	100.000			85.000	85.000	20.000	20.000	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
27	Đầu tư dự án khu dân cư, tái định cư xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc phục vụ GPMB dự án Bào tôn, tu bổ, tôn tạo Khu Phủ từ, lăng bầy, quán lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc	2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016							4.600	4.600	UBND huyện Vĩnh Lộc	
28	Xây dựng tuyến đường Tiên Sơn - Hạc Oa (đoạn từ nút giao đường vào động Tiên Sơn đến đường Hạc Oa) Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, TP Thanh Hóa	4432/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	10.413	10.413			8.800	8.800	3.600	3.600	Ban Quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
29	Tư bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Hoàng quốc công Đào Duy Từ	4418/QĐ-UBND ngày 30/10/2015.	43.597	14.000			11.900	11.900	1.000	1.000	UBND huyện Tĩnh Gia	
30	Trung tâm dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị cụm di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	1608/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	45.947	38.000			32.300	32.300	4.700	4.700	UBND huyện Vĩnh Lộc	
31	Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện Tĩnh Gia.	4430/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	12.720	7.000			6.000	6.000	2.298	2.298	UBND huyện Tĩnh Gia	
32	Đầu tư nâng cao năng lực kiểm định, kiểm nghiệm của Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thanh Hoa	5402/QĐ UBND ngày 23/12/2015	29.743	29.743			25.200	15.200	20.000	10.000	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường - Chất lượng Thanh Hóa	
33	Công sở và Hội trường văn hóa đa năng xã Ba Đình, huyện Nga Sơn	4468/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	13.417	7.500			6.400	6.400	2.000	2.000	UBND xã Ba Đình, huyện Nga Sơn	
34	Công sở xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia.	4488/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	7.466	7.466			6.400	6.400	2.000	2.000	UBND xã Tĩnh Hải	
35	Trường tiểu học nội trú xã Tam Trung, huyện Mường Lát (GD I)	548/QĐ-UBND ngày 14/3/2016	10.758	9.500			8.100	8.100	3.000	3.000	UBND huyện Mường Lát	
36	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác và quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tỉnh Thanh Hóa	4448/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	6.391	1.000			1.000	1.000	1.000	1.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
<i>b</i> Dự án dự kiến khi công mở năm 2017			5.806.689	1.821.364			1.517.910	1.494.661	23.999	750		
1	Đường vành đai Đông Tây TP. Thanh Hoá, đoạn qua thị trấn Rừng Thông đến quốc lộ 1A	2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016	1.283.327	300.000			320.319	300.000	20.319		Sở Giao thông Vận tải	
2	Đường ven biển, đoạn từ Đại lộ Nam sông Mã (thị xã Sầm Sơn) đến cầu ghép (huyện Quảng Xương)		1.480.000	100.000			52.930	50.000	2930		Sở Giao thông Vận tải	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh quốc lộ 45 vào Cụm Công nghiệp phía tây thị trấn Quán Láo, huyện Yên Định.	4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	199.998	60.000			60.000	60.000			UBND huyện Yên Định	
4	Tuyến đường từ QL 1A đi Cảng Nghi Sơn - KKT Nghi Sơn (đoạn từ QL 1A đến đường Đông Tây 4 đi Cảng Nghi Sơn).		1.487.000	200.000			100.000	100.000			Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
5	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nội tỉnh lộ 526 với quốc lộ 10 huyện Hậu Lộc		23.000	21.000			17.800	17.800			UBND huyện Hậu Lộc	
6	Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18,50) m đến cao trình (+20,36) m		293.000	100.000			85.000	85.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước thải, nước mưa phía Tây đường Hồ Xuân Hương.		153.000	153.000			130.000	130.000			UBND thị xã Sơn Sơn	
8	Nâng cấp trạm bơm nước Đồng Ngâu, xã Xuân Sơn, huyện Thọ Xuân.		50.000	50.000			43.000	43.000			UBND huyện Thọ Xuân	
9	Cải tạo, nâng cấp hồ Bai Cát, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành.		80.000	80.000			68.000	68.000	150	150	UBND huyện Thạch Thành	
10	Cải tạo, nâng cấp đường Đông Cỏ (đoạn từ đường Hàm Long đến Thiên Viện Trúc Lâm Hàm Rồng)		11.813	11.813			10.000	10.000			Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	
11	Xây dựng Khoa nội A và Trung tâm huyết học - truyền máu Bệnh viện đa khoa tỉnh	4252/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	124.451	124.451			105.000	105.000			Bệnh viện đa khoa tỉnh	
12	Đầu tư xây dựng công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.		40.000	40.000			34.000	34.000	100	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
13	Trung tu tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường và Thị Lập huyện Thọ Xuân		35.000	35.000			30.000	30.000	50	50	UBND huyện Thọ Xuân	

Số	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT): giá trị quyết toán		Vốn đã bỏ tới đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016-2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch				
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (t)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (t)			
14	Tin bổ sung dự án đi tích lịch sử cách mạng Hàm Hà xã Đông Tân huyện Đông Sơn		18 000	18 000			15.300	15 300					
15	Sửa chữa các công trình xây dựng phòng họp trực tuyến và một số hạng mục thuộc cơ sở cơ quan Tỉnh ủy		15 000	15 000			12 700	12 700	50	50	UBND huyện Đông Sơn		
16	Cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Hội cựu chiến binh - Tỉnh đoàn - Hội nông dân tỉnh Thanh Hóa và đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc cơ quan Hội cựu chiến binh tỉnh		15 000	15 000			12 700	12.700			Văn phòng Tỉnh ủy		
17	Tu bổ, tôn tạo đi tích lịch sử văn hóa đình Gia Miêu xã Hà Long, huyện Hà Trung		14 900	14 900			12 600	12 600			Hội cựu chiến binh tỉnh Thanh Hóa		
18	Xây dựng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet		13 000	13 000			11 000	11 000			UBND huyện Hà Trung		
19	Đường giao thông Quang Bình - Quang Thái, huyện Quang Xương		173 500	173 500			147 000	147.000			Văn phòng Tỉnh ủy		
20	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toàn - Hạnh Phúc		120 000	120 000			100 000	100 000	200	200	UBND huyện Quảng Xương		
21	Đường giao thông Cẩm Bình - Cẩm Thạch - Cẩm Liên - Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy.		164 700	164.700			140.000	140.000			Sở Giao thông Vận tải		
22	Vườn hoa và trồng nữ anh hùng liệt sỹ Nguyễn Thị Lợi, TX. Sâm Sơn		12 000	12 000			10 561	10 561	200	200	UBND huyện Cẩm Thủy		
Dự án khởi công mới giai đoạn 2018 - 2020			2.287.078	1.738.500							Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
1	Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ Công an tỉnh		85.000	42 500			809 645	809 645	2 900	2 900			
2	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Thanh Hóa		50 000	10.000			20 000	20 000			Công an tỉnh		
3	Đường gom dulong ven đai phía Tây đoạn từ KCN Tân, Hóc Ga (mỏ sét mỏ C) và đường nối KCN Tây Bắc - Ga ven nút giao ven đai phía Tây, TP Thanh Hóa		150 000	100 000			10 000	10 000			Tỉnh đoàn Thanh Hóa		
4	Bảo tồn di tích và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử và liên tưởng nghệ thuật (Quốc gia đặc biệt Bà Triệu, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc		428 578	65 000			45 000	45 000	200	200	UBND thành phố Thanh Hóa		
5	Đầu tư mở rộng diện tích và đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào Cụm công nghiệp Bãi Đồi, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.		22.000	20 000			30 000	30 000			Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		
6	Mở rộng Khu tái định cư Nam đường Hồ Tùng Mậu, phường Bắc Sơn thị xã Bỉm Sơn		22 000	17 500			15.000	15 000			UBND huyện Lang Chánh		
	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiệu đi xã Thọ Lập, huyện Triệu Sơn.		135 000	135.000			12 000	12 000			Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp		
	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 515B Thiệu Ly - Đông Hoàng		40.000	40 000			55.000	55 000	200	200	UBND huyện Triệu Sơn		
9	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Dốc)		85 000	85 000			25 000	25 000	100	100	Sở Giao thông Vận tải		
10	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực		40 000	40 000			30 000	30 000	200	200	Sở Giao thông Vận tải		
11	Đường kết nối từ tỉnh lộ 510 (thị trấn Bút Sơn) đi xã Hoàng Ngọc, huyện Hoằng Hóa		98 000	60 000			25 000	25.000	100	100	Sở Giao thông Vận tải		
12	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thủy Sơn huyện Ngọc Lặc đi làng Thung xã Đông Lương (huyện Lang Chánh)		83 000	82 000			30.000	30 000	200	200	UBND huyện Hoằng Hóa		
							35 000	35 000	200	200	UBND huyện Ngọc Lặc		



Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ nhà máy may IVORY kết nối với đường tỉnh 526, huyện Hậu Lộc.		84.000	80.000			35.000	35.000	200	200	UBND huyện Hậu Lộc	
14	Đường giao thông nối đường Hồ Chí Minh với QL45 đi xã Tân Bình, huyện Như Xuân		99.100	99.100			45.000	45.000	100	100	UBND huyện Như Xuân	
15	Đường giao thông nối Quốc lộ 45 với tỉnh lộ 505.		50.000	50.000			20.000	20.000	150	150	UBND huyện Như Thanh	
16	Nâng cấp, cải tạo đường Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân		54.900	51.900			25.000	25.000	150	150	UBND huyện Thọ Xuân	
17	Đường giao thông từ La Hán xã Ban Công đi Thiêt Giang xã Thiêt Ông, huyện Bá Thước		95.300	95.300			45.000	45.000	200	200	UBND huyện Bá Thước	
18	Đường giao thông từ xã Xuân Cẩm đi Lương Sơn, huyện Thương Xuân.		119.400	119.400			50.000	50.000	200	200	UBND huyện Thương Xuân	
19	Nâng cấp trạm bơm tưới xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc.		82.000	82.000			35.000	35.000			UBND huyện Vĩnh Lộc	
20	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số cụm hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.		150.000	150.000			60.000	60.000	200	200	Sở Nông nghiệp và PTNT	
21	Đường giao thông từ xã Phú Sơn đi xã Cac Sơn, huyện Tĩnh Gia.		168.800	168.800			60.000	60.000	250	250	UBND huyện Tĩnh Gia	
22	Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mũi Khê (đoạn Thieu Long - Thieu Duy - Thieu Hợp), huyện Thiệu Hóa		50.000	50.000			35.000	35.000	150	150	UBND huyện Thiệu Hóa	
23	Trụ sở làm việc UBND HĐND huyện Đông Sơn.		40.000	40.000			30.000	30.000			UBND huyện Đông Sơn	
24	Đường nơi Kju đi tích Lam Kinh với đường Hồ Chí Minh.		30.000	30.000			20.000	20.000	100	100	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
25	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Nga Tân - Nga Tiến, Nga Thái huyện Nga Sơn.		25.000	25.000			17.645	17.645			UBND huyện Nga Sơn	

\* Ghi chú (1) Chỉ tính nguồn vốn đầu tư trong câu đối theo tiêu chí